

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 – VINACONEX 15

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0203001081 do Sở KH và ĐT TP Hải Phòng cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 29 tháng 09 năm 2009)

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 – VINACONEX 15

Trụ sở chính: Số 53 Đường Ngô Quyền – P. Máy Chai - Quận Ngô Quyền – TP Hải Phòng

Website: <http://www.vinaconex15.com.vn>

Điện thoại: 0313.768612

Fax: 0313.768610

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

a. Thành lập :

Công ty cổ phần xây dựng số 15 - VINACONEX 15 tiền thân là Công ty xây dựng số 10 thuộc Sở Xây dựng Hải Phòng. Đến năm 1999, Công ty xây dựng số 10 được Tổng công ty VINACONEX nay là Tổng công ty CP VINACONEX kết nạp là doanh nghiệp thành viên theo Quyết định số 548/QĐ-BXD ngày 12/5/1999 của Bộ Xây dựng.

b. Cổ phần hóa :

- Ngày 04/10/2004, Bộ trưởng Bộ Xây dựng có Quyết định số 1554/QĐ-BXD chuyển Công ty xây dựng số 15 thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam thành Công ty cổ phần xây dựng số 15.

- Quá trình tăng vốn điều lệ:

+ Vốn điều lệ năm 2004 sau khi cổ phần hóa: 6.000.000.000 đồng.

+ Năm 2005 : Tăng vốn điều lệ lên 10.500.000.000 đồng.

+ Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 đồng.

+ Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.

c. Niêm yết :

Ngày 14/12/2009, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận số 82/GCN-SGDHN về việc chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng số 15. Số lượng chứng khoán niêm yết : 6.000.000 cổ phiếu, mệnh giá : 10.000 đồng/1cổ phiếu, giá trị chứng khoán niêm yết : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), mã chứng khoán : V15.

2. Quá trình phát triển

a. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001081 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 9 năm 2009, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm :

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, nền móng và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện. Lắp đặt điện nước và trang trí nội thất.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng : Bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn và các loại vật liệu khác.
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, dụng cụ xây dựng : cốp pha, dàn giáo.
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.
- Xuất nhập khẩu công nghệ xây dựng : thiết bị tự động hóa, dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà và các tổ hợp nhà cao tầng./.

b. Tình hình hoạt động :

Trải qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần xây dựng số 15 đã thi công nhiều công trình trong tất cả các chuyên ngành xây dựng dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hạ tầng kỹ thuật đô thị...

Với hơn 1600 cán bộ công nhân viên, Công ty đã và đang tham gia thi công xây lắp các công trình dân dụng công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông...trọng điểm trong phạm vi toàn quốc. Điển hình là các hạng mục thuộc các dự án:

- Công trình dân dụng : Chung cư 17 tầng 17T5, 17T9 Khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính - Hà Nội; Khách sạn HOLIDAYVIEW Cát Bà - Hải Phòng; Bệnh viện thể thao Việt Nam; Nhà điều hành sản xuất Nhà máy đóng tàu Hạ Long - Quảng Ninh; Trung tâm Hội nghị quốc gia - Hà Nội; Trung tâm thương mại Dầu khí Hà Nội; Nhà điều hành sản xuất nhà máy đóng tàu Hạ Long - Quảng Ninh; Viện Hoá học các hợp chất thiên nhiên - Hà Nội; Nhà ở học viên 7 tầng - Trường đại học Điện lực - Hà Nội; Trung tâm thương mại và văn phòng điều hành dự án khu đô thị mới Ngã Năm sân bay Cát Bi - Hải Phòng.
- Công trình công nghiệp, hạ tầng và cấp thoát nước : Dự án Mở rộng Cảng Cái Lân - Quảng Ninh, Triền tàu 1000T Nhà máy đóng tàu Hạ Long - Quảng Ninh, Nhà máy OJITEX Hải Phòng, Nhà máy MUTO - Vĩnh Phúc, Nhà máy phanh NISSIN - Vĩnh Phúc, Đường tuyến D khu công nghệ cao Hoà Lạc - Hà Nội, Cống Đồng Bông II - Hà Nội, Hàm và nút giao - Trung tâm hội nghị quốc gia Hà Nội, Thủy điện Huội Quảng - Sơn La, Nhà máy BROTHER Việt Nam - Hải Dương, Nhà máy NISSEI Phúc Điền - Hải Dương, Dây chuyền

2 Nhà máy xi măng Chinfon Hải Phòng, Nhà máy sơn Hải Phòng số 2, Nâng cấp và cải tạo quốc lộ 38B đoạn Cầu Tràng - Hưng Yên,...

- Công trình, dự án đang thực hiện : Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí - Trung tâm thông tin tư liệu - Hội Nhà báo Việt Nam; Nhà in Báo nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Dự án khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng - Hà Nội; Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp BMC - Thành phố Vinh; Trạm khách quân khu III - Hải Phòng; Dự án khu biệt thự nhà nghỉ cuối tuần Vụng Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng,...

Hiện nay, Công ty đã tham gia vào lĩnh vực đầu tư bất động sản dựa trên cơ sở các thế mạnh của Công ty về năng lực thiết kế, thi công. Cụ thể: Công ty đang tiến hành thực hiện dự án Khu biệt thự nhà nghỉ cuối tuần Vụng Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng với tổng diện tích là 21.427m² với quy mô bao gồm 90 biệt thự với diện tích sàn từ 180m² đến 298m² và các nhà nghỉ liên kết có diện tích gần 100m² được thiết kế 3 tầng khép kín với trang thiết bị tiện dụng, hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Tổng giá trị dự án gần 500 tỷ đồng.

Đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, nhất là SXKD có nhiều đổi mới hơn từ công tác tổ chức đến quản lý điều hành; sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động từ lãnh đạo Công ty đến các đơn vị thành viên và toàn thể CBCNV đã tạo ra sức mạnh nội lực vượt mọi khó khăn, đưa mức tăng trưởng sản lượng bình quân hàng năm của Công ty từ 15 – 20%. Công ty cổ phần xây dựng số 15 đã giữ vững thương hiệu của mình bằng chất lượng, tiến độ công trình, từ đó uy tín thương hiệu của Công ty ngày càng được nâng cao, diện mạo chân dung của Công ty đã và đang hiện lên như một bức tranh đủ màu sắc. Bức tranh ấy chứa đựng trí tuệ, công sức của tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty mang những dấu ấn đẹp nhất đó là những phần thưởng danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, ban ngành Trung ương và địa phương đã dành cho Công ty. Phần thưởng cao nhất, tự hào nhất với VINACONEX 15 là Huân chương lao động hạng ba, Bằng khen của Chính phủ và vinh dự nhất là hàng loạt huy chương vàng công trình chất lượng cao xây dựng Việt Nam, cúp vàng ISO, cúp vàng ATLĐ, cúp vàng Doanh nhân văn hóa doanh nghiệp, cờ thi đua xuất sắc ngành xây dựng 3 năm liền (2005 – 2007). Phát huy truyền thống mà Công ty đã đạt được trong hơn 30 năm qua, Cán bộ công nhân viên Công ty quyết tâm xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

3. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Thực hiện tốt công tác nghiệm thu, quyết toán, thu hồi vốn ở các công trình xây lắp, dự án do Công ty làm Chủ đầu tư, không để tồn đọng vốn, sử dụng vốn có hiệu quả.
- Đảm bảo được doanh thu và lợi nhuận năm sau luôn cao hơn năm trước, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, ổn định cổ tức và giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng công trình.

- Bám sát định hướng phát triển của Tổng công ty, trong những năm tới Công ty CP xây dựng số 15 có kế hoạch và định hướng phát triển đa doanh, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường đầu tư các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản, thủy điện, cầu đường và các lĩnh vực kinh doanh khác để các lĩnh vực hỗ trợ cho nhau.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu tăng năng lực thiết bị thi công đáp ứng đúng tiến độ cam kết với chủ đầu tư.

- Đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh đầu tư bất động sản.

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức. củng cố sắp xếp, ổn định tổ chức và cân đối bổ sung lực lượng cho các bộ phận mới thành lập. Biên chế lại một số đội xây dựng, nghiên cứu ban hành Cơ chế giao khoán, nâng cao chế độ trách nhiệm trong quản lý kinh tế đem lại hiệu quả cao hơn. Tái cơ cấu lại hoạt động nhằm phát huy được các lợi thế cạnh tranh về công nghệ, nhân lực của Công ty.

- Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật trong năm 2009

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2009 Công ty cổ phần xây dựng số 15. Hội đồng quản trị đã triển khai thành công việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ lên 60 tỷ đồng.

- Niêm yết 6.000.000 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là **V15** vào ngày 17/12/2009.

- Trong năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã phê duyệt các dự án đầu tư gần 75 tỷ đồng gồm :

+ Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công với giá trị gần 30 tỷ đồng : Dự án đầu tư máy lu rung, máy xúc bánh lốp, máy ủi, máy san đường, hàng vụn mét cọc cừ Larsen, vận thăng lồng, vận thăng hàng, cốppha, giáo chống... đảm bảo thi công hàng vụn m2 sàn, đầm bê tông cùng một lúc.

+ Đầu tư thực hiện dự án bất động sản : Dự án khu biệt thự nhà nghỉ cuối tuần Vụng Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng với tổng diện tích đất là 2,1ha trong đó diện tích đất xây dựng là 1,4 ha (gồm 90 nhà nghỉ liền kề và biệt thự) giá trị đầu tư cho năm 2009 là 45 tỷ đồng.

- Việc kiểm tra giám sát Giám đốc được thực hiện trên cơ sở phân công các đồng chí ủy viên HĐQT xem xét các báo cáo của đơn vị trực thuộc Công ty và trực tiếp kiểm tra, làm việc với các Ban chỉ huy tại công trường.

- Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận đạt được cụ thể như sau :

+ Tổng doanh thu đạt : 161.790.499.682 đ

+ Lợi nhuận trước thuế đạt : 14.964.287.662 đ

- + Lợi nhuận sau thuế đạt : 11.243.215.746 đ
- + Cổ tức năm 2009 : 16%/năm
- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 :
- + Tổng tài sản : 369.175.547.834đ
 - Tài sản ngắn hạn : 335.216.093.185đ
 - Tài sản dài hạn : 33.959.454.649đ
- + Tổng nguồn vốn : 369.175.547.834đ
 - Nợ phải trả : 288.711.697.208đ
 - Vốn chủ sở hữu : 80.463.850.626đ

2. Tình hình thực hiện năm 2009 so với kế hoạch

- Tổng doanh thu thực hiện đạt 161.790.499.682 đồng bằng 53,93% so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 14.964.287.662 đồng bằng 106,89 % so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 11.243.215.746 đồng bằng 107,08% so với kế hoạch

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Năm 2009 Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thành công từ 20 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng và hoàn thành các thủ tục để niêm yết cổ phiếu V15 trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

4. Triển vọng và Kế hoạch năm 2010

Trong năm 2010, HĐQT công ty sẽ nâng cao hơn nữa vai trò trách nhiệm, lãnh đạo quản trị Công ty như tăng cường kiểm tra giám sát mọi hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả SXKD năm 2010 của Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010, các nội dung chính trong kế hoạch hoạt động năm 2010 như sau:

Thông qua phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010:

- + Tổng doanh thu đạt: 313,300 tỷ đồng

- + Lợi nhuận đạt 25,829 tỷ đồng

- + Tỷ suất cổ tức: 17%/năm.

- + Tổng nộp ngân sách: 45 tỷ đồng.

- + Vốn đầu tư: 145 tỷ đồng

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tập trung vào công tác nghiên cứu để dần từng bước làm chủ hoàn toàn về mặt công nghệ.

- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và công tác an toàn lao động: Tăng cường công tác chỉ đạo tập trung, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm. Đẩy nhanh công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán.

- Công tác đầu tư: đặc biệt quan tâm đầu tư kinh doanh bất động sản, đầu tư mang tính chọn lọc để mang lại hiệu quả cao nhất, tránh đầu tư dàn trải, thu hồi vốn chậm.

- Công tác tài chính luôn đảm bảo tiêu chí an toàn đồng vốn trong hoạt động SXKD.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp các phòng, ban, đơn vị trực thuộc gọn nhẹ, có hiệu quả, xây dựng cơ chế trả lương trên cơ sở hiệu quả công việc, sự quan tâm cống hiến và có những chính sách đãi ngộ thỏa đáng.

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao.

- Cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động.....

III. Báo cáo của Ban Giám Đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	92,78	90,80
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	7,22	9,20
2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	83,81	78,20
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	16,19	21,80
3. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,24
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,06
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,65	3,05
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,01	7,25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,17	13,97

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, năm 2009 đã được kiểm toán của Công ty)

Nhìn vào các chỉ tiêu tài chính cho thấy được hệ số về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2009 đã có những cải thiện rõ rệt, cụ thể: khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,14 lần năm 2008 lên 1,24 lần năm 2009, khả năng thanh toán nhanh tăng từ 0,02 lên 0,06. Đặc biệt cơ cấu nợ trên tổng nguồn vốn năm 2009 giảm so với năm 2008 và cơ cấu vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng 21,80% so với năm 2008, đã thể hiện khả năng tự chủ về mặt tài chính

ngày càng cao của công ty. Các hệ số đo lường hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao từ năm 2008 đến năm 2009, cho thấy Công ty đã tích cực tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh, tự chủ trong việc lựa chọn khách hàng và các công trình đem lại hiệu quả thực sự cho Công ty.

b. Những thay đổi về vốn cổ đông / vốn góp

Tổng vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là: **60.000.000.000** đồng. Trong năm 2009 Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thành công từ 20.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam đại diện quản lý phân vốn góp vào Công ty là: 30.600.000.000 đồng - chiếm 51% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phiếu tính đến 31/12/2009 là: 6.000.000 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đ/cp)

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: **6.000.000** cổ phiếu phổ thông

Cổ tức năm 2009: 16%/cổ phần (một cổ phần được nhận 1.600 đồng)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai năm 2008-2009 được thể hiện trong các bảng số liệu dưới đây.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng, giảm 2009 so với 2008
Tổng giá trị tài sản	236.058.283.410	369.175.547.834	56,39
Doanh thu thuần	107.939.546.168	155.058.712.556	43,65
LN từ hoạt động kinh doanh	4.808.965.649	12.864.801.408	167,52
Lợi nhuận khác	124.059.232	2.099.486.254	1592,33
Lợi nhuận trước thuế	4.933.024.881	14.964.287.662	203,35
Lợi nhuận sau thuế	4.333.598.713	11.243.215.746	160
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	16%	16%	

3. Những tiến bộ đạt được trong năm :

Năm 2009 là năm mà cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là sự kiện đánh dấu một bước ngoặt lớn của Công ty trong quá trình phát triển. Việc tham gia vào thị trường chứng khoán, đòi hỏi Công ty phải ngày càng minh bạch hơn trong hệ thống quản trị, tài chính, và thông tin....

Bên cạnh đó, việc chuyển hướng tham gia vào lĩnh vực đầu tư bất động sản dựa trên cơ sở các thế mạnh của Công ty về năng lực thiết kế, thi công cũng đánh dấu một bước chuyển hướng tích cực trong kế hoạch đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Năm 2009 Công ty cũng đã tổ chức, sắp xếp lại nhân sự ở nhiều bộ phận chức năng tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công việc, tăng thu nhập cho người lao động.

Qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản cho thấy, năm 2009 Tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 155.058.712.556 đồng, tăng 43,65% so với tổng doanh thu thuần thực hiện năm 2008, đã tiếp tục thể hiện những ưu điểm nổi bật trong việc tiết kiệm chi phí nhân công, rút ngắn thời gian thi công tại công trường và ngày càng được khách hàng tin cậy.

Đặc biệt năm 2009, lợi nhuận thuần tăng 167,52% so với năm 2008 đạt 12.864.801.408 đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 160 % so với năm 2008 đạt 11.243.215.746 đồng, đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Công ty trong việc không ngừng cải tiến năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần nâng cao lợi ích cho người lao động.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

- Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2009, Ban Giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch cho năm 2010, theo đó dự kiến năm 2010 Công ty sẽ thực hiện với tổng doanh thu bằng 193,65% so với kết quả năm 2009, năm 2010 sẽ phấn đấu thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 172,61% và lợi nhuận sau thuế 172,30% so với thực hiện năm 2009, số liệu cụ thể theo bảng sau đây :

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Kế hoạch năm 2010	So sánh
1	Giá trị tổng sản xuất kinh doanh	251.900	416.200	165,22%
2	Tổng doanh thu	161.790	313.300	193,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	14.964	25.829	172,61%
4	Lợi nhuận sau thuế	11.243	19.372	172,30%

- Công tác tổ chức: Tiếp tục rà soát sắp xếp lại phòng, ban, các đơn vị trực thuộc gọn nhẹ có hiệu quả, xây dựng cơ chế trả lương trên cơ sở hiệu quả công việc, sự tận tâm cống hiến và có những chính sách đãi ngộ thỏa đáng.

- Trong công tác tài chính: Luôn đảm bảo tiêu chí an toàn đồng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra các biện pháp tiết kiệm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và công tác an toàn lao động: Tăng cường công tác chỉ đạo tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công tại các dự án trọng điểm. Đẩy nhanh công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, công tác quản lý chất lượng tiếp tục được thực hiện nghiêm ngặt, duy trì công tác nghiệm thu chất lượng nội bộ. Tăng cường giám sát công tác an toàn, vệ sinh lao động ở các công trình.

- Công tác đầu tư: Công tác đầu tư đặc biệt là đầu tư kinh doanh bất động sản đây là lĩnh vực truyền thống của Công ty, trong các năm gần đây lĩnh vực kinh doanh bất động sản luôn mang lại hiệu quả cao. Với thị trường kinh doanh bất động sản tại khu vực Hải Phòng còn tiềm tàng, năm 2010 Công ty tiếp tục đầu tư mang tính chất chọn lọc để mang lại hiệu quả cao nhất, tránh đầu tư dàn trải, thu hồi vốn chậm.

IV. Báo cáo tài chính năm 2009

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty CP XD số 15 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)

Số : 563/BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - Vinaconex 15*

Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - Vinaconex 15

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - Vinaconex 15 được lập ngày 20/01/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 08 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - Vinaconex 15 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2010

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM**
Giám đốc

Kiểm toán viên

Th.s Nguyễn Minh Hải
Chứng chỉ KTV số: 0287/KTV

Trần Trí Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0895/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		335,216,093,185	244,070,040,176
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		15,427,828,953	4,184,525,696
111	1. Tiền	3	15,427,828,953	4,184,525,696
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		225,397,740,947	180,230,391,203
131	1. Phải thu khách hàng		131,439,649,450	108,573,697,634
132	2. Trả trước cho người bán		5,472,456,582	2,670,091,988
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		86,823,982,297	68,053,226,752
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1,884,848,389	1,156,570,600
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(223,195,771)	(223,195,771)
140	IV. Hàng tồn kho		65,798,383,847	49,567,531,767
141	1. Hàng tồn kho	5	65,798,383,847	49,567,531,767
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28,592,139,438	10,087,591,510
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2,483,706,842	2,537,615,345
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		26,108,432,596	7,549,976,165
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33,959,454,649	18,988,243,234
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		29,799,680,769	15,122,000,079
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	22,300,044,804	14,942,000,079
222	- Nguyên giá		45,490,636,435	32,917,651,296
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23,190,591,631)	(17,975,651,217)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	180,000,000
228	- Nguyên giá		-	300,000,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(120,000,000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	7,499,635,965	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3,500,000,000	3,500,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2,500,000,000	2,500,000,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8	1,000,000,000	1,000,000,000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		659,773,880	366,243,155
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	659,773,880	366,243,155
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		369,175,547,834	263,058,283,410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		288,711,697,208	220,457,745,671
310	I. Nợ ngắn hạn		270,859,290,626	213,724,932,206
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	52,478,112,284	45,066,701,714
312	2. Phải trả người bán		41,392,739,801	22,611,925,650
313	3. Người mua trả tiền trước		791,666,312	4,537,690,661
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	23,245,351,847	16,638,330,577
315	5. Phải trả người lao động		-	-
316	6. Chi phí phải trả	12	82,393,106,983	52,197,013,089
317	7. Phải trả nội bộ		56,818,618,971	61,062,609,011
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	13,739,694,428	11,610,661,504
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		17,852,406,582	6,732,813,465
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	17,818,999,958	6,732,813,465
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		33,406,624	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		80,463,850,626	42,600,537,739
410	I. Vốn chủ sở hữu		79,914,721,583	41,972,204,241
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	60,000,000,000	30,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1,425,000,000	1,425,000,000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		114,141	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6,813,031,696	6,213,605,528
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		433,360,000	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11,243,215,746	4,333,598,713
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		549,129,043	628,333,498
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		549,129,043	628,333,498
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		369,175,547,834	263,058,283,410

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết	31/12/2009	1/1/2009
	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
	5. Ngoại tệ các loại (USD)		114	114
	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	155,058,712,556	107,939,546,168
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	155,058,712,556	107,939,546,168
11	4. Giá vốn hàng bán	18	136,088,022,764	100,624,128,588
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18,970,689,792	7,315,417,580
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	6,731,787,126	14,301,877,652
22	7. Chi phí tài chính	20	6,503,517,511	9,108,580,886
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6,503,517,511	9,108,580,886
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6,334,157,999	7,699,748,697
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12,864,801,408	4,808,965,649
31	11. Thu nhập khác		2,099,486,254	124,059,232
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		2,099,486,254	124,059,232
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14,964,287,662	4,933,024,881
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	3,721,071,916	599,426,168
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>11,243,215,746</u>	<u>4,333,598,713</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		2,423	2,167

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,964,287,662	4,933,024,881
2. Điều chỉnh cho các khoản				
1. Khấu hao TSCĐ	02		5,214,940,414	4,772,362,338
2. Các khoản dự phòng	03		223,195,771	223,195,771
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,651,787,126)	(651,409,396)
5. Chi phí lãi vay	06		6,503,517,511	9,108,580,886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20,254,154,232	18,385,754,480
1. Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63,725,806,175)	(63,006,303,991)
2. Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16,230,852,080)	(23,672,016,348)
3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		58,364,219,016	63,099,254,561
4. Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(239,622,222)	983,012,356
5. Tiền lãi vay đã trả	13		(5,820,006,126)	(7,040,622,785)
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(29,400,000)
7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(180,017,000)	(379,874,850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,577,930,355)	(11,660,196,577)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(20,834,335,390)	(4,110,726,189)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			2,980,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		80,000,000	693,361,688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			(20,754,335,390)	(437,364,501)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	30			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		22,644,971,939	10,000,000,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		102,968,818,729	60,473,889,893
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(84,470,221,666)	(59,918,385,564)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,568,000,000)	(2,298,764,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39,575,569,002	8,256,740,329
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11,243,303,257	(3,840,820,749)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,184,525,696	8,025,346,445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		15,427,828,953	4,184,525,696

3 TIỀN

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Tiền mặt	6,007,948,493	808,922,769
Tiền gửi ngân hàng	9,419,880,460	3,375,602,927
Cộng	15,427,828,953	4,184,525,696

4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	1,884,848,389	1,156,570,600
Cộng	1,884,848,389	1,156,570,600

5 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65,798,383,847	49,567,531,767
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	65,798,383,847	49,567,531,767

6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1,542,939,458	11,092,722,539	6,742,132,846	13,539,856,453	32,917,651,296
Số tăng trong năm	-	5,564,993,274	-	7,007,991,865	12,572,985,139
- <i>Mua trong năm</i>		5,564,993,274		7,007,991,865	12,572,985,139
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1,542,939,458	16,657,715,813	6,742,132,846	20,547,848,318	45,490,636,435
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	719,352,013	7,676,548,657	1,715,354,688	7,864,395,859	17,975,651,217
Số tăng trong năm	108,925,836	1,514,534,785	1,251,507,456	2,339,972,337	5,214,940,414
- <i>Khấu hao trong năm</i>	108,925,836	1,514,534,785	1,251,507,456	2,339,972,337	5,214,940,414
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	828,277,849	9,191,083,442	2,966,862,144	10,204,368,196	23,190,591,631
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	823,587,445	3,416,173,882	5,026,778,158	5,675,460,594	14,942,000,079
Tại ngày cuối năm	714,661,609	7,466,632,371	3,775,270,702	10,343,480,122	22,300,044,804
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:					8,256,985,229
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					6,899,919,079

7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7,499,635,965	-
- Chi phí đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cuối tuần Vung Hươu, Đồ Sơn, Hải Phòng	7,499,635,965	-
Cộng	7,499,635,965	-

8 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	1,000,000,000	1,000,000,000
- Cổ phiếu Công ty CP ống sợi Thủy tinh Vinaconex (*)	1,000,000,000	1,000,000,000
Cộng	1,000,000,000	1,000,000,000

(*): Hiện tại cổ phiếu này không có cơ sở tham chiếu về giá.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn	509,773,880	366,243,155
Chi phí trả trước dài hạn khác	150,000,000	-
Cộng	659,773,880	366,243,155

10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	52,478,112,284	45,066,701,714
- Vay ngân hàng	41,718,112,284	44,066,701,714
- Vay đối tượng khác	10,760,000,000	1,000,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	-	-
Cộng	52,478,112,284	45,066,701,714

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18,097,616,867	15,267,378,176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,092,024,317	1,370,952,401
Thuế thu nhập cá nhân	7,410,663	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	48,300,000	-
Cộng	23,245,351,847	16,638,330,577

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Chi phí phải trả của các dự án	82,393,106,983	52,197,013,089
Cộng	82,393,106,983	52,197,013,089

13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	1/1/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	78,437,151	119,812,698
Bảo hiểm xã hội	716,673,311	282,899,078
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12,944,583,966	11,207,949,728
Cộng	13,739,694,428	11,610,661,504

14 VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2009</u>	<u>1/1/2009</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	17,818,999,958	6,732,813,465
- Vay ngân hàng (BIDV Hải Phòng)	<u>17,818,999,958</u>	<u>6,732,813,465</u>
Cộng	<u>17,818,999,958</u>	<u>6,732,813,465</u>

Các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (%)	Thời hạn vay (tháng)	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
203075	BIDV Hải Phòng	10.50%	54	417,000,000	157,000,000	TSHT từ vốn vay
101/2006/HĐ	BIDV Hải Phòng	10.50%	48	460,000,000	460,000,000	TSHT từ vốn vay
119/2006/HĐ	BIDV Hải Phòng	10.50%	38	247,000,000	247,000,000	TSHT từ vốn vay
278/2007/HĐ	BIDV Hải Phòng	10.50%	51	341,000,000	216,000,000	TSHT từ vốn vay
62/2008/HĐ	BIDV Hải Phòng	10.50%	60	2,248,000,000	642,000,000	TSHT từ vốn vay
1308/2009/HĐ	BIDV Hải Phòng	10.50%	45	3,206,000,000		TSHT từ vốn vay
0289/2009/HĐ	BIDV Hải Phòng	10.50%	45	4,899,999,958		TSHT từ vốn vay
2611/2009/HĐ	BIDV Hải Phòng	12%	48	6,000,000,000		TSHT từ vốn vay
Cộng				<u>17,818,999,958</u>	<u>1,722,000,000</u>	

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (xem trang 20)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của TCTy CP XNK & XD Việt Nam	30,600,000,000	51%	20,200,000,000	67%
Vốn góp của các đối tượng khác	<u>29,400,000,000</u>	<u>49%</u>	<u>9,800,000,000</u>	<u>33%</u>
Cộng	<u>60,000,000,000</u>	<u>100%</u>	<u>30,000,000,000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30,000,000,000	20,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	30,000,000,000	10,000,000,000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	60,000,000,000	30,000,000,000

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,000,000	6,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (*)	6,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	3,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6,813,031,696	6,213,605,528
- Quỹ dự phòng tài chính	433,360,000	-

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	20,000,000,000		3,381,152,085			5,664,906,885
Tăng vốn trong năm trước	10,000,000,000	1,425,000,000	2,832,453,443		-	4,333,598,713
Lãi trong năm trước					-	4,333,598,713
Điều chỉnh XĐGTDN						
Tăng vốn	10,000,000,000	1,425,000,000	2,832,453,443			
Trích quỹ						
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-		-	5,664,906,885
Lỗ trong năm trước						
Điều chỉnh XĐGTDN						
Chi hỗ trợ kinh phí học						
Trích quỹ						5,664,906,885
Số dư cuối năm trước	30,000,000,000	1,425,000,000	6,213,605,528		-	4,333,598,713
Tăng vốn trong năm nay (*)	30,000,000,000					
Lãi trong năm nay						11,243,215,746
Tăng khác			599,426,168	433,360,000		
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá					114,141	
Giảm vốn trong năm nay						
Giảm khác (**)						4,333,598,713
Lỗ trong năm trước						
Trích quỹ (*)						
Số dư cuối năm nay	60,000,000,000	1,425,000,000	6,813,031,696	433,360,000	114,141	11,243,215,746

(**) Giảm khác:

-	Trích quỹ đầu tư phát triển	599,426,168
-	Trích quỹ dự phòng tài chính	433,360,000
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	100,812,545
-	Cổ tức phải trả năm 2008	3,200,000,000
	Cộng	4,333,598,713

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4,268,262,309	5,470,537,262
Doanh thu hợp đồng xây dựng	131,071,587,747	102,469,008,906
Doanh thu kinh doanh bất động sản	19,718,862,500	
Cộng	155,058,712,556	107,939,546,168

17 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	4,268,262,309	5,470,537,262
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	131,071,587,747	102,469,008,906
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	19,718,862,500	
Cộng	155,058,712,556	107,939,546,168

18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,530,535,374	4,563,905,070
Giá vốn hoạt động xây dựng	122,175,913,477	96,060,223,518
Giá vốn bất động sản	10,381,573,913	
Cộng	136,088,022,764	100,624,128,588

19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63,428,655	41,952,292
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80,000,000	651,409,396
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6,588,358,471	13,608,515,964
Cộng	6,731,787,126	14,301,877,652

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	6,503,517,511	9,108,580,886
Cộng	6,503,517,511	9,108,580,886

21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	14,964,287,662	4,933,024,881
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
+ Điều chỉnh tăng (2)		
+ Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia) (3)	80,000,000	651,409,396
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	14,884,287,662	4,281,615,485
Thuế suất (5)	25%	14%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (6) = (4) x (5)	3,721,071,916	599,426,168
Cộng	3,721,071,916	599,426,168

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán:

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) – đơn vị được kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

- Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - Vinaconex 15 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 Công ty đã gửi đến UBCKNN và TTGDCK Hà Nội để báo cáo và công bố thông tin.

- Các nhận xét đánh giá chi tiết đã được nêu trong báo cáo kiểm toán.

2. Kiểm toán nội bộ : không có

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của Công ty

Tên Công ty: Tổng Công ty CP Vinaconex

Địa chỉ: Toà nhà Vinaconex – 34 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 04.362849234

Fax: 04.362849208

Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam hiện nắm giữ 51% tổng số cổ phần của Công ty cổ phần xây dựng số 15, các đối tượng khác nắm giữ 49% số cổ phần của Công ty.

2. Tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty mà Vinaconex 15 đang nắm giữ cổ phần

❖ Đầu tư vào Công ty CP ống sợi Thủy Tinh Vinaconex: 1.000.000.000đồng.

Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2009	Ghi chú
Tổng tài sản	64.126.547.945	
Doanh thu bán hàng	46.038.715.272	
Lợi nhuận trước thuế	2.494.791.144	
Lợi nhuận sau thuế	2.363.814.609	

(Nguồn cung cấp: Cty CP Ống sợi Thủy Tinh Vinaconex)

❖ Đầu tư vào Công ty CP bao bì Vinaconex: 2.500.000.000 đồng.

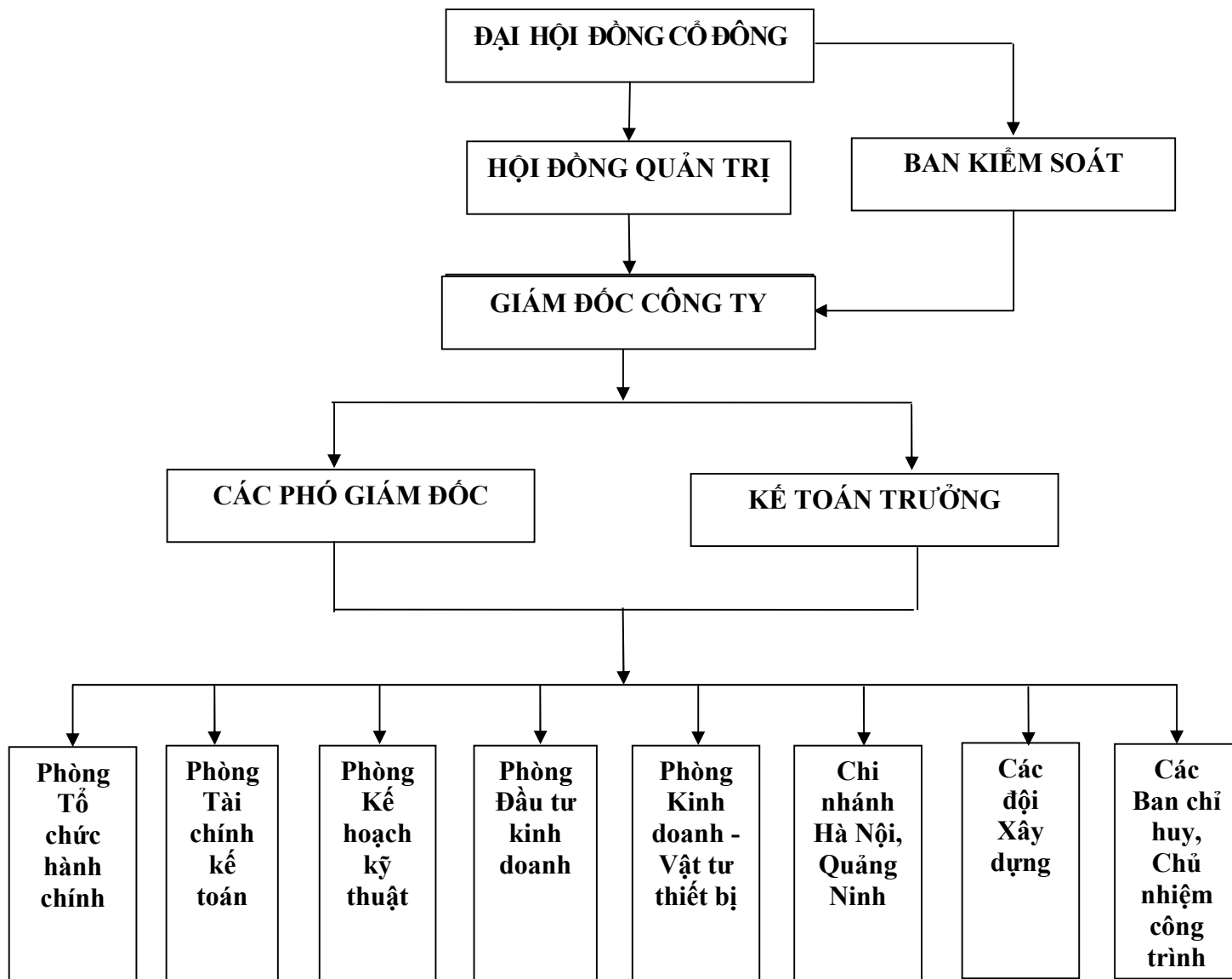
Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2009	Ghi chú
Tổng tài sản	74.660.317.934	
Doanh thu bán hàng	126.614.981.988	
Lợi nhuận trước thuế	7.346.721.141	
Lợi nhuận sau thuế	6.880.644.239	

(Nguồn cung cấp: Cty CP Bao bì Vinaconex)

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chức vụ
1	Trương Hải Triều	1970	Nam	Kỹ sư xây dựng	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
2	Nguyễn Xuân Thao	1958	Nam	Kỹ sư xây dựng	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty
3	Đoàn Thanh Bình	1954	Nam	Kỹ sư xây dựng	Phó giám đốc Công ty

3. Thay đổi giám đốc: Không có thay đổi

4. Quyền lợi của Ban giám đốc:

Tiền lương và tiền thưởng của Ban giám đốc được hưởng theo Quy chế tiền lương, thu nhập của công ty áp dụng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên thuộc khối văn phòng Công ty.

5. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động :

a. Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty

Tính đến ngày 31/12/2009 số lượng cán bộ công nhân viên Công ty là: 1.656 người.

Trong đó:

Hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội :	514 người.
Hợp đồng thời vụ:	1.142 người
Trình độ: Đại học:	125 người
Trung cấp và cao đẳng:	60 người
Công nhân kỹ thuật :	325 người
Lao động phổ thông:	02 người

b. Chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ phúc lợi nhằm thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ phúc lợi, các chế độ về thai sản, bảo hiểm tai nạn lao động, v.v... cho người lao động theo Luật lao động.

Công ty có chính sách thưởng cho cá nhân và tập thể căn cứ vào tinh thần tích cực trong công việc và mức độ hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất đề ra. Việc xét thưởng do Hội đồng thi đua xét duyệt hàng năm dựa trên kết quả công việc thực hiện được của các cá nhân và tập thể. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất và kinh tế theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Cuối năm, toàn thể CBCNV Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13. Tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm, CBCNV sẽ được trích thưởng thêm.

6. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát : Không có thay đổi.

VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

❖ **Hội đồng quản trị**

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ghi chú
1	Trương Hải Triều	1970	Kỹ sư xây dựng	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	
2	Nguyễn Đình Thiết	1957	Cử nhân Kế toán chuyên ngành Tài chính	Ủy viên HĐQT	
3	Nguyễn Xuân Thao	1958	Kỹ sư xây dựng	Ủy viên HĐQT	
4	Huỳnh Sơn Cường	1972	Kỹ sư xây dựng	Ủy viên HĐQT	
5	Huỳnh Ngọc Sơn	1972	Kiến trúc sư	Ủy viên HĐQT	

❖ Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ghi chú
1	Đặng Thanh Huân	1964	Cử nhân Kế toán ngành Tài chính-Tín dụng	Trưởng ban kiểm soát	
2	Ngô Quang Dương	1955	Trung cấp chính trị	Ủy viên ban kiểm soát	
3	Trần Thị Bích Ngọc	1979	Cử nhân kế toán	Ủy viên ban kiểm soát	

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quy chế hợp theo Điều lệ Công ty quy định nhằm để thảo luận và triển khai nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao cho, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng điều lệ và quy định pháp luật, trong đó bao gồm :

- Chỉ đạo các phòng ban liên quan triển khai thực hiện các danh mục dự án đầu tư trọng điểm như kế hoạch trong năm, đồng thời Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện những thủ tục pháp lý liên quan đến dự án nhằm sẵn sàng khởi công trong năm 2010.

- Chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2009 đạt hiệu quả cao, mặc dù có những khó khăn do tình hình chung.

- Đã tổ chức việc đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Chỉ đạo việc hoạt động về thương hiệu ngày càng mang tính chuyên nghiệp hơn.

- Từng thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, bám sát tình hình và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chủ trương của Công ty và đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu SXKD.

c. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty trong năm 2009 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể :

- Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của Công ty.
- Kịp thời tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ Công ty luôn đoàn kết.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm của phòng Tài chính kế toán trước khi trình Hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Công ty.

d. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Trong năm 2009, tổng mức thù lao và một số chi phí liên quan cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty đã chi là 90.000.000 đồng, đảm bảo mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chủ tịch HĐQT : 1.500.000 đồng/người/tháng

Ủy viên HĐQT : 1.000.000 đồng/người/tháng

Trưởng ban kiểm soát : 1.000.000 đồng/người/tháng

Ủy viên ban kiểm soát : 500.000 đồng/người/tháng

e. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.

TT	Họ và Tên	Chức danh	Số CP đến thời điểm (18/3/2010)			Ghi chú
			Vốn TCty VINACONEX	Cá nhân	%/VĐL	
1	Trương Hải Triều	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty		109.900	1,83%	Không có thay đổi
2	Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên HĐQT	2.000.000	9.000	0,15%	Không có thay đổi
3	Nguyễn Xuân Thao	Ủy viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty		17.500	0,29%	Không có thay đổi
4	Huỳnh Sơn Cường	Ủy viên HĐQT		6.000	0,10%	Không có thay đổi
5	Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT		8.400	0,14%	Không có thay đổi
6	Đặng Thanh Huân	Trưởng ban Kiểm soát Công ty	1.060.000	2.000	0,03%	Không có thay đổi
7	Ngô Quang Dương	Ủy viên Ban Kiểm soát		3.500	0,06%	Không có thay đổi
8	Trần Thị Bích Ngọc	Ủy viên Ban Kiểm soát		1.400	0,02%	Không có thay đổi
9	Nguyễn Hữu Dũng	Kế toán trưởng		20.700	0,35%	Không có thay đổi
10	Đoàn Thanh Bình	Phó Giám đốc Công ty		5.100	0,09%	Không có thay đổi

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

a. Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm ngày 18/3/2010)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>5.996.600</i>	<i>99,94%</i>	
1	Cổ đông là tổ chức	3.120.600	52,01%	
2	Cổ đông là cá nhân	2.876.000	47,93%	
II	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>3.400</i>	<i>0,06%</i>	
Tổng cộng		6.000.000	100,00%	

b. Thông tin về cổ đông sáng lập (tính đến thời điểm ngày 18/3/2010)

TT	Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ	Địa chỉ
1	Tổng công ty CP XNK và XD Việt Nam	3.060.000	51%	Số 34 Láng Hạ, Hà Nội
2	Phạm Đức Hậu	365.760	6,09%	Số 12/25 ngõ 454 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hà Nội

c. Thông tin về cổ đông nước ngoài (tính đến thời điểm ngày 18/3/2010)

Cổ đông nước ngoài đang sở hữu 3.400CP/tổng số 6.000.000CP hiện tại của Công ty và chiếm tỷ lệ 0,06% vốn cổ phần.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 04 năm 2010
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Trương Hải Triều